

Kính gửi: Các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu

Căn cứ Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Nghị định số 83/2014/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Liên Bộ Công Thương - Tài chính Quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng Quỹ Bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 53/2012/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành lộ trình áp dụng tỷ lệ phối trộn nhiên liệu sinh học với nhiên liệu truyền thống;

Căn cứ Thông báo số 19/TB-VPCP ngày 26 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp về cơ chế giá đối với xăng E5;

Căn cứ thực tế diễn biến giá xăng, dầu thành phẩm thế giới kể từ ngày 11 tháng 3 năm 2015 đến hết ngày 25 tháng 3 năm 2015 (sau đây gọi tắt là kỳ công bố) và căn cứ nguyên tắc tính giá cơ sở theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC;

Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường, như sau:

Mặt hàng	Giá cơ sở kỳ trước liên kế, điều hành ngày 11/3/2015 ¹ (đồng/lít, kg)	Giá cơ sở kỳ công bố ² (đồng/lít, kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liên kế (đồng/lít, kg)	Chênh lệch giữa giá cơ sở kỳ công bố với giá cơ sở kỳ trước liên kế (%)
	(1)	(2)	(3)=(2)-(1)	(4)=[(3):(1)]x100
1. Xăng RON 92	19.138	18.306	-832	-4,3
2. Xăng E5	18.808	17.976	-832	-4,4
3. Dầu diesel 0,05S	16.771	15.888	-883	-5,3
4. Dầu hỏa	17.160	16.073	-1.087	-6,3
5. Dầu Madút 180CST 3,5S	13.688	12.653	-1.035	-7,6

Trước những diễn biến giá xăng dầu thế giới trong thời gian gần đây và thực hiện điều hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, Liên Bộ Công Thương - Tài chính quyết định:

^{1,2} Tính trên cơ sở mức trích lập Quỹ Bình ổn giá theo quy định là 300 đồng/lít xăng khoáng, 0 đồng/lít xăng E5, 300 đồng/lít diesel, 300 đồng/lít dầu hỏa, 300 đồng/kg dầu madút.

1. Giữ nguyên mức trích lập Quỹ Bình ổn giá như hiện hành. Điều chỉnh mức chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu đối với các loại xăng dầu như sau:

- Xăng các loại: giảm 832 đồng/lít, từ mức 1.852 đồng/lít xuống còn 1.020 đồng/lít;

- Dầu diesel các loại: giảm 883 đồng/lít, từ mức 888 đồng/lít xuống còn 05 đồng/lít;

- Dầu hỏa: ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá, từ mức 837 đồng/lít xuống còn 0 đồng/lít;

- Dầu madút các loại: ngừng chi sử dụng Quỹ Bình ổn giá, từ mức 927 đồng/kg xuống còn 0 đồng/kg.

2. Giá bán xăng dầu: Sau khi thực hiện việc trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá tại Mục 1 nêu trên, giá bán các mặt hàng xăng dầu tiêu dùng phổ biến trên thị trường không cao hơn mức giá:

- Xăng RON 92 là 17.286 đồng/lít;

- Xăng E5 là 16.956 đồng/lít;

- Dầu diesel 0,05S là 15.883 đồng/lít;

- Dầu hỏa là 16.073 đồng/lít (giá cơ sở kỳ công bố);

- Dầu madút 180CST 3,5S là 12.653 đồng/kg (giá cơ sở kỳ công bố).

3. Thời gian thực hiện:

- Trích lập, sử dụng Quỹ Bình ổn giá đối với các mặt hàng xăng dầu: Áp dụng từ 15 giờ 00 ngày 26 tháng 3 năm 2015.

- Điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu: Do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quy định nhưng không muộn hơn 15 giờ 00 ngày 26 tháng 3 năm 2015.

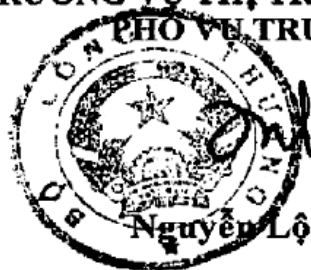
- Kể từ 15 giờ 00 ngày 26 tháng 3 năm 2015 (ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ công bố tại Công văn này) cho đến trước ngày Liên Bộ Công Thương - Tài chính công bố giá cơ sở kỳ kế tiếp, việc điều chỉnh giá bán các mặt hàng xăng dầu do thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu quyết định phù hợp với các quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Thông tư Liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Bộ Công Thương thông báo để các thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu biết, thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện về Liên Bộ Công Thương - Tài chính để giám sát theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương (b/c);
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (b/c);
- Cục Quản lý Giá, Thanh tra Bộ (BTC);
- Cục Quản lý thị trường (BCT);
- Hiệp hội Xăng dầu Việt Nam (để biết);
- Lưu: VT, TTTN.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Lộc An

Giá xăng dầu thế giới 15 ngày
(11/3/2015 - 25/3/2015)

TT	Ngày	X92	Dầu hoả	Do0,05	FO 3,5S	B/hồ	WTI	LNH	VCB bán
1	11/3/15	70.510	69.370	70.900	323.440	60.070	48.170	21,458	21,385
2	12/3/15	71.090	70.850	72.080	331.630	61.380	47.050	21,458	21,390
3	13/3/15	69.830	68.770	70.160	322.580	60.050	44.840	21,458	21,395
4	14/3/15								
5	15/3/15								
6	16/3/15	67.140	66.880	67.380	307.200	57.350	43.880	21,458	21,520
7	17/3/15	65.790	66.470	67.160	306.000	56.620	43.460	21,458	21,490
8	18/3/15	65.490	65.980	67.250	306.180	56.500	44.660	21,458	21,520
9	19/3/15	67.680	68.470	69.580	313.030	58.020	43.960	21,458	21,510
10	20/3/15	67.840	66.740	67.930	308.480	57.420	45.720	21,458	21,520
11	21/3/15								
12	22/3/15								
13	23/3/15	68.210	67.290	68.020	310.630	57.760	47.450	21,458	21,550
14	24/3/15	69.160	68.640	68.750	319.190	59.010	47.510	21,458	21,565
15	25/3/15	68.990	67.840	68.150	316.090	58.430	49.210	21,458	21,525
	Bquân	68.339	67.936	68.851	314.950	58.419	45.992	21,458	21,488

09945931